

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 87/2024/HNGĐ-ST

Ngày 09/09/2024

V/v: Tranh chấp về nuôi con sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Cường

2. Ông Chu Hồng Văn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Ninh- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 23/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 về việc: “Tranh chấp về nuôi con sau ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 07 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 08 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị H, sinh năm 1981

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 57, tổ 5 phường T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang;

Nơi đăng ký tạm trú: Số 6B, tổ 12 phường B, quận B, thành phố Hà Nội (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trọng V, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

NỘI X VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Lương Thị H trình bày: Năm 2010, chị kết hôn với anh Nguyễn Trọng V trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh V sinh được 01 con chung là Nguyễn Hạnh X, sinh ngày 18/03/2015. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị và anh V đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn tại Quyết định số 243/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20/08/2018. Về con chung, do con còn nhỏ nên chị và

anh V chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau ly hôn, cháu Nguyễn Hạnh X ở với chị, do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh V có chu cấp cho cháu nhưng không đáng kể. Do cháu X hiện nay vẫn có hộ khẩu tại xã M, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, nên để thuận lợi và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con, chị yêu cầu Tòa án giao cho chị nuôi con là Nguyễn Hạnh X. Cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đang là giáo viên dạy ngoại ngữ, thu nhập trên 8.000.000 đồng/tháng, chị đủ điều kiện để nuôi con chị trưởng thành.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Nguyễn Trọng V, nhưng anh V không đến trụ sở Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai hay tài liệu, chứng cứ gì. Tại phiên tòa anh Nguyễn Trọng V trình bày, về thời gian anh và chị Lương Thị H kết hôn, ly hôn như chị H đã trình bày. Trong thời kỳ hôn nhân, anh và chị H sinh được 01 con chung là Nguyễn Hạnh X, sinh ngày 18/03/2015. Khi Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, về con chung anh chị chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau ly hôn, cháu X ở với chị H từ đó đến nay. Anh thỉnh thoảng vẫn đến hỏi thăm con và cấp dưỡng nuôi con cho chị H khoảng 3.000.000 đồng/tháng. Hiện nay anh đã kết hôn với người phụ nữ khác. Trường hợp chị H để cháu X ăn học trong nước, anh đồng ý để chị X tiếp tục nuôi con. Còn nếu chị H đưa con sang nước ngoài ăn học thì anh không đồng ý, anh sẽ nuôi con vì anh cảm thấy con anh không được an toàn khi sang nước ngoài. Anh đang là cán bộ của Bộ tài nguyên và môi trường, anh chưa chuyển khẩu, chưa đăng ký tạm trú ở đâu, hộ khẩu đăng ký thường trú của anh vẫn ở thôn C, xã M, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, anh công tác ở Bộ tài nguyên và môi trường nhưng thường xuyên về M, Lục Nam; lương của anh trên 10.000.000 đồng/tháng.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội X: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lương Thị H, giao cho chị H nuôi con; cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lương Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết con chung với anh Nguyễn Trọng V sau ly hôn. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Lương Thị H và anh Nguyễn Trọng V có 01 con chung là Nguyễn Hạnh X, sinh ngày 18/03/2015. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 243/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20/08/2018, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Lương Thị H với anh Nguyễn Trọng V. Về con chung, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án chưa giải quyết. Sau ly hôn, chị Lương Thị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Tại biên bản lấy lời khai, cháu Nguyễn Hạnh X có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét chị Lương Thị H đủ điều kiện nuôi con, cháu Nguyễn Hạnh X có nguyện vọng được ở với mẹ, anh Nguyễn Trọng V cũng đã xây dựng gia đình riêng; và để tránh xáo trộn về cuộc sống, ảnh hưởng đến tâm sinh lý cháu Nguyễn Hạnh X nên giao cháu cho chị Lương Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về án phí: Chị Lương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang..

[4] Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị H. Giao cháu Nguyễn Hạnh X, sinh ngày 18/03/2015 cho chị Lương Thị H nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Trọng V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Việc thăm nom con không được để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí: Chị Lương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số: 0008047 ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- VKSND tỉnh;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ, v/p.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huân